

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

-----*-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN**

Mã chứng khoán: STS

Trụ sở chính: 19-21-23 Phạm Việt Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) – 38126221

Fax: (028) – 38725190

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN HỒNG NGUYỄN

Địa chỉ: 4A Ngô Văn Năm, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Cảng Tân Thuận Đông, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan : (028) – 38126221

Di động: 0984.673.636

Fax : (028) – 38725190

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn.

Địa chỉ website đăng tải thông tin: www.tranaco.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện
công bố thông tin
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hồng Nguyễn

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

TUQ, Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Nguyễn

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viêt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Dịch vụ Vận tải Sài Gòn theo Quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2004 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103003977 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/10/2005, cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300463792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Các giấy phép thay đổi sau đó với lần gần nhất là lần thứ 08 ngày 10/8/2020.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: SAIGON TRANSPORT AGENCY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TRANACO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300463792 thay đổi lần thứ 08 ngày 10/8/2020 là 27.682.210.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ, sáu trăm tám mươi hai triệu, hai trăm mười nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM từ ngày 30/3/2010 với mã giao dịch là STS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 19-21-23 Phạm Viêt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Chủ tịch (Tái cử ngày 13/5/2023)
Ông Nguyễn Nguyên Hoàng	Thành viên (Tái cử ngày 13/5/2023)
Bà Phạm Thị Thanh Hằng	Thành viên (Tái cử ngày 13/5/2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Trưởng ban (Tái cử ngày 13/5/2023)
Bà Hoàng Thị Thu Hạnh	Thành viên (Trúng cử ngày 13/5/2023)
Bà Đỗ Thị Thanh Huyền	Thành viên (Trúng cử ngày 13/5/2023)
Ông Nguyễn Hữu Linh	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 13/5/2023)
Ông Hoàng Hùng	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 13/5/2023)

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Nguyễn Hồng Nguyên

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 111/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn, được lập ngày 25/3/2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.6 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã thực hiện cấp các khoản vay cho Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP, một tổ chức liên quan đến người nội bộ của Công ty, nhưng chưa được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty là chưa phù hợp với các quy định tại Tiết a, Khoản 4, Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Khoản 1, Điều 167 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Các khoản cho vay này sau đó đã được Công ty thu hồi toàn bộ trong năm 2023.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thị Tiên
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		174.469.672.162	156.231.123.649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	149.023.549.514	131.579.131.737
1. Tiền	111		146.023.549.514	128.579.131.737
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.000.000.000	12.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	12.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.357.733.296	12.168.275.058
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	41.838.622.517	41.372.932.775
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.758.317.902	2.576.367.902
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.676.382.877	6.994.564.381
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(38.915.590.000)	(38.775.590.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	134.412.854	425.200.261
1. Hàng tồn kho	141		397.119.398	425.200.261
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(262.706.544)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		953.976.498	58.516.593
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	953.976.498	58.516.593
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		24.675.457.037	20.073.879.374
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		24.670.457.037	13.331.421.764
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	14.238.787.260	2.612.406.707
- Nguyên giá	222		94.957.608.864	82.100.319.314
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.718.821.604)	(79.487.912.607)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	10.431.669.777	10.719.015.057
- Nguyên giá	228		12.771.593.295	12.771.593.295
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.339.923.518)	(2.052.578.238)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.737.457.610
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	6.737.457.610
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		199.145.129.199	176.305.003.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		24.860.112.886	25.044.900.773
I. Nợ ngắn hạn	310		24.260.112.886	24.564.900.773
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	334.366.109	702.433.257
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		238.899.806	157.211.230
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	14.918.788.589	14.903.191.444
4. Phải trả người lao động	314		1.084.191.770	1.024.426.261
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	7.522.176.184	7.496.394.201
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	160.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	161.690.428	121.244.380
II. Nợ dài hạn	330		600.000.000	480.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	600.000.000	480.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		174.285.016.313	151.260.102.250
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	174.285.016.313	151.260.102.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.682.210.000	27.682.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.682.210.000	27.682.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.739.082.602	3.739.082.602
3. Cổ phiếu quỹ	415		(515.226.000)	(515.226.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.254.374.660	8.254.374.660
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.124.575.051	112.099.660.988
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		112.099.660.988	93.258.306.030
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.024.914.063	18.841.354.958
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		199.145.129.199	176.305.003.023

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy



Nguyễn Thị Thủy



Nguyễn Hồng Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	39.096.652.998	49.641.110.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		39.096.652.998	49.641.110.450
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	26.983.314.316	28.525.539.682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.113.338.682	21.115.570.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.363.833.842	5.983.375.470
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	746.868.556
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.986.761.231	2.794.529.614
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		15.490.411.293	23.557.548.068
11. Thu nhập khác	31	6.6	18.474.559.621	-
12. Chi phí khác	32	6.6	5.170.925.292	4.683.496
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	13.303.634.329	(4.683.496)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		28.794.045.622	23.552.864.572
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.769.131.559	4.711.509.614
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		23.024.914.063	18.841.354.958
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	8.390	6.866

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Hồng Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.794.045.622	23.552.864.572
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.804.695.173	1.741.648.550
- Các khoản dự phòng	03		402.706.544	33.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.365.083.921)	(5.983.198.472)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.636.363.418	19.344.314.650
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(254.716.304)	(2.134.347.640)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.080.863	(16.166.958)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.580.131.929	251.748.109
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.757.120.725)	(6.178.283.177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.232.739.181	11.267.264.984
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.135.877.050)	(6.730.858.516)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		299.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(299.000.000.000)	87.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.347.555.646	5.981.866.966
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.788.321.404)	86.251.008.450
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		17.444.417.777	97.518.273.434
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		131.579.131.737	34.060.858.303
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	149.023.549.514	131.579.131.737

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103003977 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/10/2005, cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300463792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Các giấy phép thay đổi sau đó với lần gần nhất là lần thứ 08 ngày 10/8/2020.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: SAIGON TRANSPORT AGENCY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TRANACO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300463792 thay đổi lần thứ 08 ngày 10/8/2020 là 27.682.210.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ, sáu trăm tám mươi hai triệu, hai trăm mười nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM từ ngày 30/3/2010 với mã giao dịch là STS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 19-21-23 Phạm Viêt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 57 người (tại ngày 31/12/2022 là 53 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất, sửa chữa, gia công cơ khí, sản phẩm công nghiệp khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị ngành giao thông vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải hàng hóa bằng container, hàng hóa quá cánh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực. Vận tải đường bộ;
- Vận tải đường ống;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận tải đường thủy;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: hoạt động kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Dịch vụ cung ứng tàu biển; Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: dịch vụ vệ sinh tàu biển;
- Đào tạo trung cấp. Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề hướng nghiệp phục vụ xuất khẩu lao động;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Dịch vụ cảng, dịch vụ lưu kho bãi, dịch vụ vận tải đường bộ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2023 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn - Cảng Tân Thuận Đông	Cảng Tân Thuận Đông, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 20

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng của Quyền sử dụng đất, trong đó:

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 19-21-23 đường Phạm Viêt Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh: thời hạn sử dụng đến hết ngày 11/4/2063.
- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 41 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh: thời hạn sử dụng là 50 năm kể từ ngày 27/5/2005.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê tài sản hữu hình để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Trích chi phí lãi phải trả của khoản nợ Công ty Yuan Cherg Holdings Pte.Ltd: trích trước theo Quyết định số 308/QĐ-CTHADS ngày 25/8/2021 của Cục thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh.
- Chi phí khác: Trích trước khi thực tế đã phát sinh nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn chứng từ liên quan.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm tiền nhận trước từ khách hàng về việc cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ cảng, dịch vụ bốc xếp, lưu kho lưu bãi, dịch vụ vận chuyển) và doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty chịu ảnh hưởng về các loại hình dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh (kinh doanh cảng, kho bãi và kinh doanh vận tải, cho thuê văn phòng). Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý do Công ty chỉ hoạt động duy nhất tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	164.414.302	367.743.737
Tiền gửi ngân hàng	145.859.135.212	128.211.388.000
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	3.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	149.023.549.514	131.579.131.737

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 2 với lãi suất là 3,5%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Tổng	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất áp dụng là 4,9% - 5,9%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tháp UBI (i)	22.600.000.000	22.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kinh doanh Đô thị (i)	15.214.750.000	15.214.750.000
Phải thu các đối tượng khác	4.023.872.517	3.558.182.775
Tổng	41.838.622.517	41.372.932.775

(i) Các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán đã được trích lập dự phòng 100%.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.758.317.902	2.576.367.902
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 61	474.891.506	474.891.506
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Đô Thành	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Vận tải Nguyên Lợi	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tín Thắng	387.000.000	387.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải Phía Nam	211.560.000	211.560.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hà Mai	-	817.500.000
Các đối tượng khác	134.866.396	135.416.396
Tổng	1.758.317.902	2.576.367.902

Trong đó:

*Trả trước cho người bán là các bên liên quan
(trình bày lại)*

474.891.506

474.891.506

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.676.382.877	-	6.994.564.381	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.769.327.937	-	2.325.600.637	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	-	-	10.443.844	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	288.931.507	-	272.657.534	-
Bà Nguyễn Kim Loan	705.529.820	-	705.529.820	-
Phí án dân sự TB 29/TB-TA	-	-	64.818.858	-
Tạm ứng phí tòa án vụ kiện Công ty Yuan Cherng Holdings liên quan khoản nợ (i)	2.507.835.246	-	2.507.835.246	-
Tạm chi khen thưởng phúc lợi	830.830.942	-	830.830.942	-
Phải thu khác	573.927.425	-	276.847.500	-
b) Dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
Tổng	7.681.382.877	-	6.999.564.381	-

(i) Đây là khoản tiền được tạm trích từ tài khoản Ngân hàng của Công ty để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán số tiền chậm trả thi hành án theo Bản án số 93/2009/KDTM-PT ngày 04/8/2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao và Quyết định số 308/QĐ-CTHADS ngày 25/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh.

5.6 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023		Đơn vị tính: VND 01/01/2023	
	Số tiền thu hồi	Số tiền cho vay	Số tiền thu hồi	Số tiền cho vay
Tổng Công ty Vận tải Thủy - CTCP (i)	-	299.000.000.000	299.000.000.000	-
Tổng	-	299.000.000.000	299.000.000.000	-

Trong đó:

Phải thu về cho vay với các bên liên quan (trình bày lại)

-	299.000.000.000	299.000.000.000	-
---	-----------------	-----------------	---

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

(i) Công ty thực hiện cấp các khoản vay cho Tổng Công ty Vận tải Thủy - CTCP, một tổ chức liên quan đến người nội bộ của Công ty, theo các Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐ.HTKD ngày 03/01/2023 và Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐ.HTKD ngày 27/11/2023. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp, các Hợp đồng nguyên tắc này được ký kết bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, đồng thời, chưa được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc thu hồi
Các khoản phải thu khách hàng	38.514.030.000	60.000.000	(38.454.030.000)	38.314.030.000
Chi nhánh 5 - Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	189.280.000	-	(189.280.000)	-
Công ty TNHH Thành Trang	200.000.000	-	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kinh doanh đô thị	15.214.750.000	-	(15.214.750.000)	-
Công ty TNHH MTV Tháp UBI	22.600.000.000	-	(22.600.000.000)	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Minh Thành Long	110.000.000	-	(110.000.000)	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	200.000.000	60.000.000	(140.000.000)	-
Trả trước cho người bán	461.560.000	-	(461.560.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế giao thông vận tải phía Nam	211.560.000	-	(211.560.000)	-
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Đô Thành	250.000.000	-	(250.000.000)	-
Tổng	38.975.590.000	60.000.000	(38.915.590.000)	38.775.590.000

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.586.613	-	22.722.931	-
Công cụ, dụng cụ	9.149.400	-	20.093.945	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	382.383.385	(262.706.544)	382.383.385	-
Tổng	397.119.398	(262.706.544)	425.200.261	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	38.536.991.285	1.350.109.800	42.213.218.229	-	82.100.319.314
Tăng trong năm	-	-	13.135.877.050	-	13.135.877.050
Tăng từ xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	13.135.877.050	-	13.135.877.050
Giảm trong năm	(278.587.500)	(105.236.364)	-	105.236.364	(278.587.500)
Thanh lý, nhượng bán	(278.587.500)	-	-	-	(278.587.500)
Phân loại lại	-	(105.236.364)	-	105.236.364	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	38.258.403.785	1.244.873.436	55.349.095.279	105.236.364	94.957.608.864
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	38.536.991.285	1.285.511.010	39.665.410.312	-	79.487.912.607
Tăng trong năm	-	55.652.186	1.461.697.707	105.236.364	1.622.586.257
Khấu hao trong năm	-	55.652.186	1.461.697.707	-	1.517.349.893
Phân loại lại	-	-	-	105.236.364	105.236.364
Giảm trong năm	(278.587.500)	(113.089.760)	-	-	(391.677.260)
Thanh lý, nhượng bán	(278.587.500)	-	-	-	(278.587.500)
Phân loại lại	-	(105.236.364)	-	-	(105.236.364)
Giảm khác	-	(7.853.396)	-	-	(7.853.396)
Số dư tại ngày 31/12/2023	38.258.403.785	1.228.073.436	41.127.108.019	105.236.364	80.718.821.604
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	-	64.598.790	2.547.807.917	-	2.612.406.707
Tại ngày 31/12/2023	-	16.800.000	14.221.987.260	-	14.238.787.260
Trong đó:					

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 65.494.561.800 VND (tại ngày 31/12/2022 là 56.480.063.246 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	12.771.593.295	12.771.593.295
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>12.771.593.295</u>	<u>12.771.593.295</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.052.578.238	2.052.578.238
Tăng trong năm	287.345.280	287.345.280
Khấu hao trong năm	287.345.280	287.345.280
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>2.339.923.518</u>	<u>2.339.923.518</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	<u>10.719.015.057</u>	<u>10.719.015.057</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>10.431.669.777</u>	<u>10.431.669.777</u>

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	334.366.109	334.366.109	702.433.257	702.433.257
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải An Bảo Anh	318.546.183	318.546.183	600.023.141	600.023.141
Công ty TNHH MTV Thắng Lộc	-	-	86.590.190	86.590.190
Phải trả cho các đối tượng khác	15.819.926	15.819.926	15.819.926	15.819.926
Tổng	<u>334.366.109</u>	<u>334.366.109</u>	<u>702.433.257</u>	<u>702.433.257</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	14.903.191.444	13.608.461.590	13.592.864.445	14.918.788.589
Thuế giá trị gia tăng	-	194.115.526	146.726.806	47.388.720
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.061.300	5.769.131.559	5.803.192.859	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.289.859	107.236.953	104.967.228	6.559.584
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	14.864.840.285	7.533.920.936	7.533.920.936	14.864.840.285
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.056.616	4.056.616	-
Phải thu	58.516.593	58.467.961	953.927.866	953.976.498
Thuế giá trị gia tăng	58.467.961	58.467.961	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	953.927.866	953.927.866
Thuế thu nhập cá nhân	48.632	-	-	48.632

(i) Đây là khoản tiền thuê đất, thuê mặt nước tại khu vực văn phòng (2.344 m²) và khu vực kinh doanh tại Cảng Tân Thuận (33.275 m²) giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2016 theo thông báo tạm xác định của Chi Cục thuế Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Số tiền thuê này đã được ghi nhận vào kết quả kinh doanh các năm trước. Đồng thời, liên quan đến khoản thuê đất này, Cơ quan chức năng hiện đang giải quyết hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty tại các lô đất nói trên. Khi có quyết định cuối cùng của Cơ quan chức năng và nhận được thông báo của Cơ quan thuế, Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh lại giá trị tiền thuê đất đã tạm ghi nhận.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích chi phí lãi phải trả của khoản nợ Công ty Yuan Cherng Holdings Pte Ltd	2.635.134.956	2.635.134.956
Chi phí phải trả Công ty UNIFREIGHT GLOBAL Công ty Cổ phần Vận tải Toàn cầu Việt Nam	196.894.615	196.894.615
Trích trước chi phí thuê cầu KH-300	1.506.436.728	1.506.436.728
Các khoản khác	2.850.000.000	2.850.000.000
	333.709.885	307.927.902
Tổng	7.522.176.184	7.496.394.201

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	161.690.428	121.244.380
Kinh phí công đoàn	4.988.442	4.924.786
Bảo hiểm xã hội	14.604.928	19.392.850
Bảo hiểm y tế	942.309	1.547.850
Bảo hiểm thất nghiệp	15.240.617	15.224.950
Cổ tức phải trả	43.164.680	43.164.680
Phải trả, phải nộp khác	82.749.452	36.989.264
b) Dài hạn	600.000.000	480.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	600.000.000	480.000.000
Tổng	761.690.428	601.244.380

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	8.254.374.660	93.258.306.030	132.418.747.292
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	18.841.354.958	18.841.354.958
Số dư tại ngày 31/12/2022	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	8.254.374.660	112.099.660.988	151.260.102.250
Số dư tại ngày 01/01/2023	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	8.254.374.660	112.099.660.988	151.260.102.250
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	23.024.914.063	23.024.914.063
Số dư tại ngày 31/12/2023	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	8.254.374.660	135.124.575.051	174.285.016.313

Đơn vị tính: VND

T.P. AI
VỤ
Ờ P
ÔNG
004
KIẾ
PA
T
C
N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH Liên hợp Xây Dựng Vạn Cường	679.633	24,55%	6.796.330.000	679.633	24,55%	6.796.330.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Trung	317.491	11,47%	3.174.910.000	317.491	11,47%	3.174.910.000
Bà Nguyễn Thị Minh	678.535	24,51%	6.785.350.000	678.535	24,51%	6.785.350.000
Ông Hồ Sỹ Dũng	352.689	12,74%	3.526.890.000	352.689	12,74%	3.526.890.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	140.000	5,06%	1.400.000.000	140.000	5,06%	1.400.000.000
Các cổ đông khác	599.873	21,67%	5.998.730.000	599.873	21,67%	5.998.730.000
Tổng	2.768.221	100,00%	27.682.210.000	2.768.221	100,00%	27.682.210.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	27.682.210.000	27.682.210.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	27.682.210.000	27.682.210.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.768.221	2.768.221
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.768.221	2.768.221
Cổ phiếu phổ thông	2.768.221	2.768.221
Số lượng cổ phiếu được mua lại	23.964	23.964
Cổ phiếu phổ thông	23.964	23.964
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.744.257	2.744.257
Cổ phiếu phổ thông	2.744.257	2.744.257
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.254.374.660	8.254.374.660

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành. Thông tin các lô đất như sau:

- Lô đất tại Cảng Tân Thuận Đông, phường Tân Thuận Đông, Quận 7 với tổng diện tích là 33.725 m² để kinh doanh cảng và các dịch vụ liên quan. Công ty thanh toán số tiền thuê đất này theo hình thức trả tiền hàng năm.

- Lô đất tại đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, Quận 7 với tổng diện tích là 2.344 m² để làm bãi đậu xe. Công ty thanh toán số tiền thuê đất này theo hình thức trả tiền hàng năm.

b. Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2023	01/01/2023
Thép các loại (đơn vị tính: cuộn)	-	807
Thép các loại (đơn vị tính: tấn)	1.231,613	-

c. Ngoại tệ

	31/12/2023	01/01/2023
	Nguyên tệ	Nguyên tệ
Đô La Mỹ (USD)	132,35	158,75

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.856.652.998	49.321.110.450
Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản	2.240.000.000	320.000.000
Tổng	39.096.652.998	49.641.110.450

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	26.433.262.492	28.495.884.654
Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản	287.345.280	29.655.028
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	262.706.544	-
Tổng	26.983.314.316	28.525.539.682

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.363.829.619	5.983.198.472
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.223	176.998
Tổng	6.363.833.842	5.983.375.470
<i>Trong đó:</i>		
Lãi cho vay các bên liên quan (trình bày lại) (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	5.538.286.207	5.247.123.291

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	746.868.556
Tổng	-	746.868.556

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.650.991.256	1.526.535.032
Chi phí vật liệu quản lý	101.132.871	48.562.729
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.974.808	129.934.861
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.471.704	257.690.252
Thuế phí và lệ phí	47.268.272	47.660.724
Chi phí dự phòng	140.000.000	33.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	623.267.324	312.603.111
Chi phí bằng tiền khác	361.654.996	438.542.905
Tổng	2.986.761.231	2.794.529.614

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Tiền bồi thường thiệt hại được nhận (i)	18.474.559.621	-
Tổng	18.474.559.621	-
Chi phí khác		
Ấn phí tranh chấp kinh doanh thương mại	115.769.582	-
Kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang không tiếp tục đầu tư	6.599.094	-
Tiền phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	48.556.616	4.683.496
Chi phí dịch vụ luật sư (ii)	5.000.000.000	-
Tổng	5.170.925.292	4.683.496
Lợi nhuận khác	13.303.634.329	(4.683.496)

(i) Tiền bồi thường thiệt hại được nhận theo Bản án số 09/2023/KDTM-PT về việc tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn và bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành.

(ii) Chi phí dịch vụ luật sư theo Hợp đồng số 30/2022/HĐDVPL, ngày 10/06/2023, Công ty sử dụng dịch vụ luật sư cho mục đích giải quyết tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành.

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.794.045.622	23.552.864.572
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm:		
Chi phí không được trừ	48.556.616	4.683.496
Thu nhập chịu thuế	28.842.602.238	23.557.548.068
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	28.842.602.238	23.557.548.068
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.768.520.448	4.711.509.614
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	611.111	-
<i>Do xác định lại chi phí không được trừ các năm trước</i>	<i>611.111</i>	-
Tổng	5.769.131.559	4.711.509.614

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	23.024.914.063	18.841.354.958
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	23.024.914.063	18.841.354.958
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.744.257	2.744.257
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.390	6.866

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	521.543.704	296.941.554
Chi phí nhân công	7.702.216.455	5.857.053.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.804.695.173	1.741.648.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.763.052.370	17.162.824.794
Chi phí khác bằng tiền	8.388.172.124	6.228.601.061
Tổng	29.179.679.826	31.287.069.296

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Liên hợp Xây Dựng Vạn Cường	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư An Trung	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Minh	Cổ đông lớn
Ông Hồ Sỹ Dũng	Cổ đông lớn
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Cổ đông lớn
Tổng công ty Vận tải Thủy - CTCP	Cùng người quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 61	Cùng người quản lý chủ chốt
Các Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

b. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Chủ tịch HĐQT	5.300.000	1.000.000
Ông Nguyễn Nguyên Hoàng	Thành viên	2.100.000	1.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Hằng	Thành viên HĐQT	5.300.000	500.000
Tổng		12.700.000	2.500.000

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Trưởng BKS	500.000	-
Bà Hoàng Thị Thu Hạnh	Thành viên BKS	500.000	-
Bà Đỗ Thị Thanh Huyền	Thành viên BKS	500.000	-
Tổng		1.500.000	-

c. Thu nhập của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Tổng Giám đốc	705.600.000	1.004.805.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Kế toán trưởng	198.300.000	197.485.000
Tổng		903.900.000	1.202.290.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
Giao dịch cho vay (trình bày lại)				
Tổng công ty Vận tải Thủy - CTCP	Cùng người quản lý chủ chốt	Số tiền đã cho vay trong năm	299.000.000.000	-
		Số tiền vay đã thu hồi trong năm	299.000.000.000	87.000.000.000
		Lãi cho vay	5.538.286.207	5.247.123.291

e. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn (trình bày lại)				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 61	Cùng người quản lý chủ chốt	Ứng trước tiền hàng hóa, dịch vụ	474.891.506	474.891.506

7.2. Báo cáo bộ phận

Kết quả kinh doanh của bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Kinh doanh cảng kho bãi	Kinh doanh vận tải	Cho thuê văn phòng	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	28.293.268.121	8.563.384.877	2.240.000.000	39.096.652.998
<i>Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</i>	<i>8.120.271.861</i>	<i>2.040.412.101</i>	<i>1.952.654.720</i>	<i>12.113.338.682</i>
Chi phí thuần của bộ phận	2.344.733.862	(5.721.806.473)	-	(3.377.072.611)
<i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận</i>	<i>5.775.537.999</i>	<i>7.762.218.574</i>	<i>1.952.654.720</i>	<i>15.490.411.293</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN19-21-23 Phạm Viêt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Kết quả kinh doanh của bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**

	Kinh doanh cảng kho bãi	Kinh doanh vận tải	Cho thuê văn phòng	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	42.638.969.610	6.682.140.840	320.000.000	49.641.110.450
<i>Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</i>	<i>16.659.500.365</i>	<i>4.165.725.431</i>	<i>290.344.972</i>	<i>21.115.570.768</i>
Chi phí thuần của bộ phận	2.291.423.406	(4.733.400.706)	-	(2.441.977.300)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	14.368.076.959	8.899.126.137	290.344.972	23.557.548.068

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023

	Kinh doanh cảng kho bãi	Kinh doanh vận tải	Cho thuê văn phòng	Tổng
Tài sản bộ phận				
Tài sản cố định	12.999.127.620	1.239.659.640	10.431.669.777	24.670.457.037
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Các khoản phải thu	4.436.182.948	4.511.581.740	-	8.947.764.688
Hàng tồn kho	-	397.119.398	-	397.119.398
Tài sản không thể phân bổ				165.129.788.076
Tổng				199.145.129.199
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	18.647.670.903	5.403.362.835	600.000.000	24.651.033.738
Nợ phải trả không phân bổ				209.079.148
Tổng				24.860.112.886

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2022

	Kinh doanh cảng kho bãi	Kinh doanh vận tải	Cho thuê văn phòng	Tổng
Tài sản bộ phận				
Tài sản cố định	25.199.980	6.024.664.867	7.281.556.917	13.331.421.764
Xây dựng cơ bản dở dang	6.730.858.516	6.599.094	-	6.737.457.610
Các khoản phải thu	2.862.132.575	9.306.142.483	-	12.168.275.058
Hàng tồn kho	16.166.958	409.033.303	-	425.200.261
Tài sản không thể phân bổ				143.642.648.330
Tổng	9.634.358.029	15.746.439.747	7.281.556.917	176.305.003.023
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	18.311.390.610	6.059.448.863	640.000.000	25.010.839.473
Nợ phải trả không phân bổ				34.061.300
Tổng				25.044.900.773

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tổng Giám đốc Công ty quyết định trình bày bổ sung thông tin so sánh liên quan đến các bên liên quan tại ngày 31/12/2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nhằm đảm bảo tính phù hợp với số liệu và bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cụ thể như sau:

Tại Thuyết minh số 5.4 - Trả trước cho người bán ngắn hạn:

Thuyết minh	01/01/2023	01/01/2023	Chênh lệch
	(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	
	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (trình bày lại) - Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1	-	474.891.506	474.891.506

Tại Thuyết minh số 7.2 - Thông tin bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022	Năm 2022	Chênh lệch
			(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	
			VND	VND	VND
Giao dịch cho vay (trình bày lại)					
Tổng Công ty Vận tải Thủy - CTCP	Cùng người quản lý chủ chốt	Số tiền vay đã thu hồi trong năm	-	87.000.000.000	87.000.000.000
		Lãi cho vay	-	5.247.123.291	5.247.123.291

Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022	Năm 2022	Chênh lệch
			(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	
			VND	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 61	Cùng người quản lý chủ chốt	Ứng trước tiền hàng hóa, dịch vụ	-	474.891.506	474.891.506

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nguyễn